TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:59/2022/QĐST -HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1995

Địa chỉ: xóm T, xã N, huyện P, tỉnh T

Bị đơn: Chị Lê Thị Kh, sinh năm 1997

Địa chỉ: xóm T, xã N, huyện P, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tạ Văn H và chị Lê Thị Kh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Anh Tạ Văn H và chị Lê Thị Kh nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2 Về con chung: Anh Tạ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tạ Tùng D sinh ngày 07/4/2019 đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Lê Thị Kh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Kh không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị Kh còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Anh H tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm ngàn đồng*) tiền án phí LHST và 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con) vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002780 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thì hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT TN;
- VKS ND H. Phú Bình;
- Chi cục THADS H.Phú Bình;
- UBND xã N;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Minh Huệ